

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính : VND

| TÀI SẢN | MÃ SỐ | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|--|------------|--------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | 665,938,216,190 | 368,017,043,929 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 274,158,129,831 | 10,067,264,124 |
| 1. Tiền | 111 | 36,581,706,640 | 5,859,793,124 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | 237,576,423,191 | 4,207,471,000 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 14,128,865,598 | 35,517,843,754 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | 6,493,933,444 | 6,440,338,754 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | (2,715,067,846) | (2,772,495,000) |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 10,350,000,000 | 31,850,000,000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 354,464,933,182 | 310,621,145,544 |
| 1. Phải thu của khách hàng | 131 | 31,611,784,912 | 35,313,242,150 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 71,569,075,878 | 49,976,208,901 |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 678,500,000 | 678,500,000 |
| 6. Các khoản phải thu khác | 136 | 258,856,356,453 | 232,903,978,554 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | (8,250,784,061) | (8,250,784,061) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 1,837,088,417 | 2,332,566,963 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 1,837,088,417 | 2,332,566,963 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 21,349,199,162 | 9,478,223,544 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 19,679,400,746 | 42,873,600 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | 1,550,372,554 | 9,432,753,547 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 119,425,862 | 2,596,397 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | 732,317,226,413 | 350,604,133,740 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | 5,855,000,000 | 4,172,000,000 |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | 5,855,000,000 | 4,172,000,000 |
| II. Tài sản cố định | 220 | 241,908,485 | 173,603,919 |
| 1. TSCĐ hữu hình | 221 | 131,908,485 | 173,603,919 |
| - Nguyên giá | 222 | 1,126,716,942 | 1,076,727,272 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | (994,808,457) | (903,123,353) |
| 3. TSCĐ vô hình | 227 | 110,000,000 | - |
| - Nguyên giá | 228 | 162,888,000 | 52,888,000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | (52,888,000) | (52,888,000) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 663,851,213,879 | 284,923,404,080 |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 663,851,213,879 | 284,923,404,080 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 62,161,439,533 | 61,276,837,360 |
| 2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh | 252 | 52,218,866,687 | 51,276,837,360 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | 10,000,000,000 | 10,000,000,000 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 254 | (57,427,154) | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | 207,664,516 | 58,288,381 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 207,664,516 | 58,288,381 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | 1,398,255,442,603 | 718,621,177,669 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | MA SỐ | Đơn vị tính : VND | |
|--|------------|--------------------------|------------------------|
| | | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | 969,586,034,121 | 345,371,149,360 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | 869,683,647,592 | 260,712,980,440 |
| 1. Phải trả ngắn hạn người bán | 311 | 68,745,198,640 | 5,519,059,006 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 5,193,234,472 | 108,570,372 |
| 3. Thuế và các khoản phải trả nhà nước | 313 | 16,497,035,698 | 1,101,045,421 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | 1,054,223,452 | 622,341,632 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 183,278,269,811 | 5,222,227,232 |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | 392,863,712,405 | |
| 9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 319 | 120,606,342,485 | 184,446,698,450 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 81,364,790,511 | 63,674,616,795 |
| 12. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 322 | 80,840,118 | 18,421,532 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | 99,902,386,529 | 84,658,168,920 |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | 41,916,546,500 | 41,866,546,500 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 57,985,840,029 | 42,791,622,420 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 428,669,408,482 | 373,250,028,309 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 428,669,408,482 | 373,250,028,309 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 364,000,000,000 | 364,000,000,000 |
| Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | 364,000,000,000 | 364,000,000,000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | 46,144,781,818 | 46,144,781,818 |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | (9,481,291,820) | (9,481,291,820) |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 1,293,626,226 | 1,293,626,226 |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 26,692,292,258 | (28,727,081,305) |
| LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | (28,727,081,305) | (25,042,089,178) |
| LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | 55,419,373,563 | (3,684,992,127) |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | 20,000,000 | 19,993,390 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | 1,398,255,442,603 | 718,621,177,669 |

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2018

Q.KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN HOÀI GIANG

CÔNG TY CỔ PHẦN APECI

QUẢN LÝ GIÁM ĐỐC

CỔ PHẦN

ĐẦU TƯ CHẤU A

THÁI BÌNH DƯƠNG

LƯU THAI ĐỒNG

CÔNG TY CỔ PHẦN APECI

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà Machinco 444 Hoàng Hoa Thám, Tây Hồ, Hà Nội

Tel: 043.577.1983

Fax: 043.577.1985

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2017

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | Quý IV năm 2017 | Quý IV năm 2016 | Lũy kế đến Quý IV năm 2017 | Lũy kế đến Quý IV năm 2016 |
|---|-------|-------------|-----------------|-----------------|----------------------------|----------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 17 | 142,064,356,976 | 5,230,085,378 | 268,030,832,538 | 49,722,122,626 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 03 | 18 | - | - | - | - |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | | 142,064,356,976 | 5,230,085,378 | 268,030,832,538 | 49,722,122,626 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 19 | 102,521,274,838 | 5,334,084,453 | 178,168,725,321 | 43,549,244,729 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 39,543,082,138 | (103,999,075) | 89,862,107,217 | 6,172,877,897 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 20 | 5,325,603,605 | 1,413,157,661 | 7,762,616,482 | 4,229,910,458 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 21 | 536,079,806 | 418,103,933 | 2,416,021,895 | 1,055,667,899 |
| 8. Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 387,901,276 | 418,103,933 | 1,875,847,477 | 1,032,330,399 |
| 9. Phần lãi hoặc lỗ do công ty liên kết | 24 | | - | - | 942,029,327 | - |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | 22 | 7,811,356,870 | - | 8,926,070,905 | - |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 26 | 22 | 7,159,419,271 | 2,126,907,181 | 15,172,405,811 | 9,180,925,031 |
| [30=20+(21-22)-(24+25)] | 30 | | 29,361,829,796 | (1,235,852,528) | 72,052,254,415 | 166,195,425 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | | 493,497,693 | 157,480,248 | 626,466,598 | 228,171,908 |
| 13. Chi phí khác | 32 | 23 | 685,813,103 | 170,422,006 | 787,868,656 | 180,189,688 |
| 14. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | (192,315,410) | (12,941,758) | (161,402,058) | 47,982,220 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 29,169,514,386 | (1,248,794,286) | 71,890,852,357 | 214,177,645 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 15 | 7,078,296,625 | 338,042,510 | 16,471,478,794 | 338,042,510 |

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | Quý IV năm 2017 | Quý IV năm 2016 | Lũy kế đến Quý IV năm 2017 | Lũy kế đến Quý IV năm 2016 |
|---|-------|-------------|-----------------|-----------------|----------------------------|----------------------------|
| 18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60-50-51-52) | 60 | | 22,091,217,761 | (1,586,836,796) | 55,419,373,563 | (123,864,865) |
| 19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | | 606 | (44) | 1,523 | 6 |

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN APECI

QUẢN LÝ GIÁM ĐỐC



Q.KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Handwritten signature)
 NGUYỄN HOÀI GIANG

CÔNG TY CỔ PHẦN APECI

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà Machinco 444 Hoàng Hoa Thám, Tây Hồ, Hà Nội

Tel: 043.577.1983

Fax: 043.577.1985

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2017

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV năm 2017

Đơn vị tính: VND

| STT | CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | Đến Quý IV năm 2017 | Đến Quý IV năm 2016 |
|----------|--|-------|--------------------------|--------------------------|
| I | Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. | Lợi nhuận trước thuế | 01 | 71,890,852,357 | 542,297,428 |
| | - Khấu hao TSCD | 02 | (91,685,104) | 65,352,197 |
| | - Các khoản dự phòng | 03 | | 23,337,500 |
| | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (2,497,911,205) |
| | - Chi phí lãi vay | 06 | 1,875,847,477 | 727,548,116 |
| 3. | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi | 08 | 73,675,014,730 | (1,139,375,964) |
| | - (Tăng)/giảm các khoản phải thu | 09 | (43,843,787,638) | (56,006,488,508) |
| | - (Tăng)/giảm hàng tồn kho | 10 | 495,478,546 | 1,823,489,562 |
| | - Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay) | 11 | 600,897,795,177 | 7,508,431,365 |
| | - (Tăng)/giảm chi phí trả trước | 12 | (19,636,527,146) | (8,172,727) |
| | - Tăng giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | 2,540,000,000 |
| | - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (387,901,276) | (670,409,657) |
| | - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | 293,122,120 |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 611,200,072,393 | (45,659,403,809) |
| 1. | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các TS dài hạn khác | 21 | (378,927,809,799) | (114,704,050,145) |
| 2. | Thu thanh lý nhượng bán tài sản cố định | 22 | | 163,636,364 |
| 3. | Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | 13,500,000,000 |
| 4. | Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | (15,000,000,000) |
| 7. | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia | 27 | 7,762,616,482 | 4,229,910,458 |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (371,165,193,317) | (111,810,503,323) |
| 3. | Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được | 33 | 55,866,908,349 | 158,575,216,079 |
| 4. | Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (31,810,921,718) | (17,999,921,870) |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 24,055,986,631 | 140,575,294,209 |
| | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | 264,090,865,707 | (16,894,612,923) |
| | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 10,067,264,124 | 56,679,841,983 |

Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)

70

274,158,129,831

39,785,229,060

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN APECI

Q.KẾ TOÁN TRƯỞNG

Q.TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HOÀI GIANG



LƯU THÁI ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà MACHINCO, Số 444 Hoàng Hoa Thám, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 4 NĂM 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 4 NĂM 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á – Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là tư vấn, đầu tư.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Đầu tư, kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 05 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà MACHINCO, Số 444 Hoàng Hoa Thám, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 4 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Danh sách các Công ty con được hợp nhất**

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ lợi ích | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|---|--|---|---------------|------------|------------------------|------------|
| | | | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Công ty TNHH Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương - Bắc Ninh | Khu Thanh Sơn, phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh | Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật, cụm, điểm công nghiệp, khu đô thị, khu chung cư. | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế | 30 Lê Lợi, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh nhà ở, hạ tầng đô thị, khu công nghiệp | 99,99 % | 99,94 % | 99,99 % | 99,94 % |
| Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Hà Nam | Tầng 3 nhà 205, đường Lê Hoàn, phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam | Xây dựng, kinh doanh bất động sản. | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Túc Duyên | Ngã 3 Bắc Nam, tổ 22, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | Xây dựng | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Công ty Cổ phần Lagoon Lăng Cô | Tầng 9 tòa nhà HCC 28 Lý Thường Kiệt, Huế | Xây dựng, kinh doanh bất động sản | 100% | 100% | | |

Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Quốc tế và Phát triển doanh nghiệp IDJ có trụ sở chính tại tầng 16, Tòa nhà Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là kinh doanh bất động sản. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết này là 20,01% (số đầu năm là 20,01%).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà MACHINCO, Số 444 Hoàng Hoa Thám, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 4 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà MACHINCO, Số 444 Hoàng Hoa Thám, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 4 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà MACHINCO, Số 444 Hoàng Hoa Thám, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 4 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà MACHINCO, Số 444 Hoàng Hoa Thám, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 4 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh, liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên doanh, liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên doanh, liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên doanh, liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên doanh, liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên doanh, liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên doanh, liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà MACHINCO, Số 444 Hoàng Hoa Thám, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 4 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà MACHINCO, Số 444 Hoàng Hoa Thám, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 4 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty là các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10 |

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà MACHINCO, Số 444 Hoàng Hoa Thám, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 4 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là chương trình phần mềm. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà MACHINCO, Số 444 Hoàng Hoa Thám, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 4 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà MACHINCO, Số 444 Hoàng Hoa Thám, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 4 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà MACHINCO, Số 444 Hoàng Hoa Thám, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 4 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà MACHINCO, Số 444 Hoàng Hoa Thám, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 4 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|---|------------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 1.685.417.759 | 630.588.958 |
| Tiền gửi ngân hàng | 34.896.288.881 | 5.229.204.166 |
| Các khoản tương đương tiền | 237.576.423.191 | 4.207.471.000 |
| - Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống | 237.576.423.191 | 4.207.471.000 |
| Cộng | 274.158.129.831 | 10.067.264.124 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà MACHINCO, Số 444 Hoàng Hoa Thám, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 QUÝ 4 NĂM 2017

- 2. Các khoản đầu tư tài chính**
 Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

| | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | |
|--|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| 2a. Chứng khoán kinh doanh | | | | |
| Cổ phiếu | | | | |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương | 6.235.695.000 | (2.715.067.846) | 6.235.695.000 | (2.772.495.000) |
| Các cổ phiếu khác | 2.987.200.000 | (2.715.067.846) | 2.987.200.000 | (2.772.495.000) |
| Các khoản đầu tư khác | | | | |
| Tiền ủy thác đầu tư | 3.248.495.000 | - | 3.248.495.000 | - |
| | 276.922.420 | | 204.643.754 | |
| Cộng | 6.493.933.444 | (2.715.067.846) | 6.440.338.754 | (2.772.495.000) |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà MACHINCO, Số 444 Hoàng Hoa Thám, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 4 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | 31/12/2017 | 01/1/2017 |
|--|------------------------------|------------------------------|
| <i>Ngắn hạn</i> | <u>10.350.000.000</u> | <u>31.850.000.000</u> |
| Tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 3 tháng và dưới 12 tháng | 10.350.000.000 | 31.850.000.000 |
| <i>Dài hạn</i> | - | <i>31.850.000.000</i> |
| Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng | - | 31.850.000.000 |
| Cộng | <u>10.350.000.000</u> | <u>31.850.000.000</u> |

2c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

| | Giá gốc | Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư | 31/12/2017 |
|---|----------------|-------------------------------------|----------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Quốc tế và Phát triển Doanh nghiệp IDJ ⁽ⁱⁱ⁾ | 27.789.390.000 | 23.487.447.360 | 52.218.866.687 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà MACHINCO, Số 444 Hoàng Hoa Thám, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**QUÝ 4 NĂM 2017**

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Quốc tế và Phát triển Doanh nghiệp IDJ đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | 31.611.784.912 | 35.313.242.150 |
| Công ty Cổ phần Dream Works Việt Nam | 26.444.119.353 | 1.951.485.000 |
| Công ty Cổ phần Bất động sản An Phát Land | - | 110.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư DPA | 1.951.485.000 | 98.477.095 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 11 | 110.000.000 | 28.773.280.055 |
| Takaaki Iwai | 98.477.095 | 4.375.000.000 |
| Các khách hàng thuê đất KCN Da Hội | 3.007.703.464 | 5.000.000 |
| Cộng | 31.611.784.912 | 35.313.242.150 |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | | |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <i>Trả trước cho các bên liên quan</i> | 4.550.906 | 4.550.906 |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương | 4.550.906 | 4.550.906 |
| <i>Trả trước cho người bán khác</i> | 71.564.524.972 | 49.971.657.995 |
| Ban bồi thường Giải phóng mặt bằng Thành phố Thái Nguyên | 8.310.186.208 | 8.310.186.208 |
| Công ty TNHH đầu tư và thương mại Hưng Anh | 3.230.819.090 | - |
| Công ty CP kiến trúc Quốc tế | 900.000.000 | - |
| Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Hương Thủy, thành phố Huế | 20.476.343.000 | 6.386.875.000 |
| Ban Quản lý Khu vực Phát triển Đô Thị tỉnh Thừa Thiên Huế | 1.597.162.000 | 1.597.162.000 |
| Công ty CP QLDB và XDCT Thừa Thiên Huế | 1.454.967.000 | 1.434.582.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà MACHINCO, Số 444 Hoàng Hoa Thám, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 4 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | | |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <i>Trả trước cho các bên liên quan</i> | 4.550.906 | 4.550.906 |
| Công ty TNHH MTV ĐT Xây dựng Đồng Tiến | 1.133.946.050 | 2.481.537.129 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 3 - ICIC | - | 1.912.141.300 |
| Ban QLDA xây dựng Thành phố Bắc Ninh | 1.075.233.000 | - |
| Cty cổ phần Tư vấn bất động sản Phương Đông | - | 1.239.992.998 |
| Cty Cổ phần Dream Works Việt Nam | 2.678.058.782 | - |
| Công ty TNHH DC.SJC | 1.239.216.438 | - |
| Công ty CP Xây dựng VC2 | 10.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH Schiler Việt Nam | 2.652.519.100 | - |
| Công ty CP Starlen Việt Nam | 1.004.590.136 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 15.811.484.168 | 13.963.103.574 |
| Cộng | 71.569.075.878 | 49.976.208.901 |
| | | |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | 678.500.000 | 678.500.000 |
| Phải thu Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương về cho vay không tính lãi | 678.500.000 | 678.500.000 |
| Cộng | 678.500.000 | 678.500.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà MACHINCO, Số 444 Hoàng Hoa Thám, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 4 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

| | 31/12/2017 | | 01/1/2017 | |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | 258.856.356.453 | (8.250.784.061) | 232.903.978.554 | (8.250.784.061) |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Phương - Tiền chuyển nhượng cổ phần | 57.075.000.000 | - | 57.075.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần APEC Thái Nguyên - Các khoản chi hộ | 40.113.885.583 | - | 26.257.418.579 | - |
| Bà Lý Linh Phương - Tiền chuyển nhượng cổ phần | - | - | 10.097.080.000 | - |
| Phải thu các cá nhân ứng tiền phục vụ dự án, đầu tư | 76.373.172.478 | - | 40.982.640.962 | - |
| Dự thu lãi tiền gửi | - | - | 1.456.955.556 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 1.361.098.582 | - | 1.361.098.582 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 83.933.199.810 | (8.250.784.061) | 95.673.784.875 | (8.250.784.061) |
| Cộng | 258.856.356.453 | (8.250.784.061) | 232.903.978.554 | (8.250.764.061) |

6b. Phải thu dài hạn khác

| | 30/09/2017 | | 01/1/2017 | |
|--|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | - | - | - | - |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | 4.172.000.000 | - | 4.172.000.000 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 4.172.000.000 | - | 4.172.000.000 | - |
| Cộng | 4.172.000.000 | - | 4.172.000.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà MACHINCO, Số 444 Hoàng Hoa Thám, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 4 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

| | 31/12/2017 | | 01/1/2017 | |
|--------------------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Công cụ, dụng cụ | 63.498.181 | - | 84.994.000 | - |
| Nguyên liệu, vật liệu | - | - | 473.982.727 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 1.773.590.236 | - | 1.773.590.236 | - |
| Cộng | 1.837.088.417 | - | 2.332.566.963 | - |

Tài sản cố định hữu hình

| | Nguyên giá | Hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|--------------------|----------------------|--------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 1.076.727.272 | 903.123.353 | 173.603.919 |
| Tăng trong năm | 49.989.670 | - | - |
| Khấu hao trong năm | - | 91.685.104 | 91.685.104 |
| Cộng | 1.126.716.942 | 994.808.457 | 131.908.485 |

8. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy tính

| | Nguyên giá | Hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|---------------------|--------------------|---------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 52.888.000 | (52.888.000) | - |
| Phát sinh trong năm | 110.000.000 | - | 110.000.000 |
| Cộng | 162.888.000 | (52.888.000) | 110.000.000 |

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

| | Nguyên giá | Hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|---------------------------------------|------------|----------------|-----------------|
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 52.888.000 | (52.888.000) | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - |

Đang chờ thanh lý

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà MACHINCO, Số 444 Hoàng Hoa Thám, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 4 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | 01/1/2017 | Chi phí phát sinh trong kỳ | Kết chuyển giảm khác | 31/12/2017 |
|---|------------------------|-------------------------------|-------------------------|------------------------|
| Xây dựng cơ bản dở dang | | | | |
| <i>Khu công nghiệp Đa Hội</i> | 128.159.936.904 | 42.368.541.134 | 704.286.076 | 169.824.191.962 |
| <i>Trung tâm thương mại Thái Nguyên</i> | 39.447.927.607 | 668.205.318 | - | 40.116.132.925 |
| <i>Dự án Quản lý Chợ Tam Đa</i> | 5.437.472.876 | | - | 5.437.472.876 |
| <i>Khu Công nghiệp Điem Thụy^(iv)</i> | 3.358.531.023 | - | | 3.358.531.023 |
| <i>Trung tâm thương mại Bắc Ninh</i> | 1.316.981.631 | | - | 1.316.981.631 |
| <i>Thành phố Công nghệ cao Hà Nam</i> | 1.128.806.976 | - | - | 1.128.806.976 |
| <i>Dự án Nhà máy sản xuất đá granit</i> | 1.496.028.086 | - | - | 1.496.028.086 |
| <i>Dự án Đô thị Green life- An Dương Vương</i> | 96.060.306.483 | 61.599.395.221 | 4.475.652.818 | 153.184.048.886 |
| <i>Royal Park Bắc Ninh</i> | 6.725.379.970 | 302.543.916.163 | 24.877.553.742 | 284.391.742.391 |
| <i>Các dự án khác</i> | 1.792.032.524 | 1.805.244.599 | - | 3.597.277.123 |
| Cộng | 284.923.404.080 | 299.611.748.974 | 30.057.492.636 | 663.851.213.879 |

10. Phải trả người bán ngắn hạn

| | 31/12/2017 | 01/1/2017 |
|--|----------------|---------------|
| Công ty TNHH H&P | | 154.025.000 |
| Công ty Đầu tư Lancom | 466.425.500 | |
| Công ty Cp Đầu tư IDJ Việt Nam | 53.076.276.566 | |
| Công ty TNHH Ái Ân (Dự án thi công san nền) | 6.262.913.500 | 3.325.951.900 |
| Công ty TNHH MTV xây dựng HSC | 1.939.098.100 | |
| Công ty TNHH tư vấn và đầu tư HTV | 777.444.231 | 521.546.800 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà MACHINCO, Số 444 Hoàng Hoa Thám, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 4 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | 31/12/2017 | 01/1/2017 |
|-------------------------|-----------------------|----------------------|
| Công ty CP Đầu tư ICIC3 | 1.149.931.900 | |
| Các nhà cung cấp khác | 5.073.108.843 | 1.517.535.306 |
| Cộng | 68.745.198.640 | 5.519.059.006 |

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 01/1/2017 | Số phải nộp trong kỳ | Số đã thực nộp trong kỳ | 31/12/2017 |
|----------------------------|----------------------|-------------------------|----------------------------|-----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | 53.969.683.446 | 42.403.223.009 | 11.895.626.033 |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | - | - | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 599.229.604 | 15.713.875.571 | 11.399.264.751 | 4.584.674.828 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 480.185.317 | 556.732.400 | 1.002.695.815 | 34.221.902 |
| Tiền thuê đất | 21.630.500 | - | 21.630.500 | |
| Các loại thuế khác | - | | 17.487.065 | (17.487.065) |
| Cộng | 1.101.045.421 | 70.240.291.417 | 54.844.301.140 | 16.497.035.698 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà MACHINCO, Số 444 Hoàng Hoa Thám, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 4 NĂM 2017

12. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**12a. Phải trả ngắn hạn khác**

| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|---|------------------------|------------------------|
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | - | 44.953.434 |
| Nhận tiền góp vốn của các cá nhân vào dự án Khu công nghiệp Đa Hội - Bắc Ninh | 10.891.803.476 | 73.310.309.180 |
| Nhận tiền góp vốn của các cá nhân vào dự án Trung tâm Thương mại Thái Nguyên | 35.329.883.450 | 31.254.983.450 |
| Phải trả Công ty Cổ phần Bất động sản An Phát Land về tiền góp vốn vào dự án Khu đô thị Số 5 phường Túc Duyên | 45.518.409.237 | 22.054.610.000 |
| Phải trả khách hàng đặt cọc dự án Royal Park Bắc Ninh | - | 55.727.898.468 |
| Khách hàng đặt cọc dự án Royal Park Huế | 2.220.000.000 | |
| Khác | 26.646.246.322 | 2.023.943.918 |
| Cộng | 120.606.342.485 | 184.446.698.450 |

12b. Phải trả dài hạn khác

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 41.916.546.500 | 41.866.546.500 |
| Nhận ký quỹ của Công ty Cổ phần Bất động sản An Phát Land để thực hiện phân phối dự án Khu đô thị Số 5 phường Túc Duyên | 41.916.546.500 | 41.866.546.500 |
| Các khoản phải trả dài hạn khác | - | - |
| Cộng | 41.916.546.500 | 41.866.546.500 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà MACHINCO, Số 444 Hoàng Hoa Thám, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 4 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/ dài hạn

| | 31/12/2017 | 01/1/2017 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <i>Công ty CP Đầu tư tài chính Quốc tế IDJ Việt Nam</i> | | 10.000.000.000 |
| <i>Vay thấu chi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hà Thành</i> | - | 4.837.435.368 |
| <i>Vay Ngân hàng TMCP Phương Đông</i> | 37.571.096.643 | - |
| Vay tổ chức, cá nhân khác | 11.500.990.000 | 24.825.990.000 |
| <i>Vay Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Thái Nguyên</i> | 11.500.990.000 | 11.500.990.000 |
| <i>Vay ngắn hạn tổ chức, cá nhân khác</i> | 325.000.000 | 13.325.000.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 8.588.753.386 | 21.478.216.006 |
| Cộng | 57.985.840.029 | 63.674.616.795 |

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết phát sinh Quỹ phúc lợi của Công ty như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------|-------------------|-------------------|
| Số đầu năm | 18.421.532 | 18.421.532 |
| Tăng do trích lập | 62.418.586 | - |
| Chi quỹ | - | - |
| Số cuối năm | 80.840.118 | 18.421.532 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu**15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu
Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|---------------------------------|------------------------------|-------------------------|------------------------|--------------------------|---|------------------------|
| Số dư đầu năm nay | 364.000.000.000 | 46.144.781.818 | (9.481.291.820) | 1.293.626.226 | (28.727.081.305) | 373.230.034.919 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 55.419.373.563 | 55.419.373.563 |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát | | | | | 20.000.000 | 20.000.000 |
| Số dư cuối kỳ | 364.000.000.000 | 46.144.781.818 | (9.481.291.820) | 1.293.626.226 | 26.712.292.258 | 428.669.408.482 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|-------------------------------------|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 36.400.000 | 36.400.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 36.400.000 | 36.400.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 36.400.000 | 36.400.000 |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 1.000.000 | 1.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 1.000.000 | 1.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 35.400.000 | 35.400.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 35.400.000 | 35.400.000 |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

| | 31/12/2017 | Lũy kế 2016 |
|----------------------------|------------------------|-----------------------|
| Doanh thu bán nhà | 156.468.603.645 | 41.537.525.198 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | - | 230.051.973 |
| Doanh thu cho thuê đất | 110.394.583.359 | 7.954.545.455 |
| Doanh thu bán hàng hóa | 1.167.645.534 | |
| Cộng | 268.030.832.538 | 49.722.122.626 |

2. Giá vốn hàng bán

| | 31/12/2017 | Lũy kế 2016 |
|-------------------------|-----------------|----------------|
| Giá vốn của hàng đã bán | 112.905.401.450 | 38.804.826.082 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà MACHINCO, Số 444 Hoàng Hoa Thám, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 4 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | 31/12/2017 | Lũy kế 2016 |
|---|------------------------|----------------------|
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | - | 331.261.900 |
| Giá thuê cho thuê lại đất | 65.263.323.871 | 4.413.156.747 |
| Cộng | 178.168.725.321 | 2.157.929.175 |
| | | |
| 3. Doanh thu hoạt động tài chính | 31/12/2017 | Lũy kế 2016 |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 7.762.616.482 | 4.889.089.634 |
| Lãi tiền cho vay | - | - |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | - | 69.918.080 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | - | 158.544.802 |
| Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty liên kết | - | 25.894.065 |
| Cộng | 7.762.616.482 | 5.183.892.078 |
| | | |
| 4. Chi phí tài chính | 31/12/2017 | Lũy kế 2016 |
| Chi phí lãi vay | 1.875.847.477 | 887.117.899 |
| Phí giao dịch chứng khoán | 86.405.310 | - |
| Phí bảo lãnh | 453.769.108 | - |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư | - | 65.345.000 |
| Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư | - | - |
| Cộng | 2.416.021.895 | 952.462.899 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà MACHINCO, Số 444 Hoàng Hoa Thám, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 4 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

| | 31/12/2017 | Lũy kế 2016 |
|----------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 10.408.960.004 | 6.285.507.681 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | - | 102.454.038 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 91.685.104 | 119.188.561 |
| Thuế, phí và lệ phí | 53.662.861 | 17.160.000 |
| Dự phòng nợ phải thu khó đòi | - | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.106.801.204 | 487.924.222 |
| Các chi phí khác | 2.511.296.638 | 2.346.461.330 |
| Cộng | 15.172.405.811 | 9.364.632.196 |

6. Thu nhập khác

| | 31/12/2017 | Lũy kế 2016 |
|------------------------------|--------------------|--------------------|
| Thu tiền hoa hồng được hưởng | 104.010.725 | 157.480.248 |
| Thanh lý tài sản | 72.000.000 | |
| Thu nhập khác | 450.455.873 | 64.451.100 |
| Cộng | 626.466.598 | 222.931.348 |

7. Chi phí khác

| | 31/12/2017 | Lũy kế 2016 |
|------------------------------|--------------------|--------------------|
| Lỗ thanh lý, nhượng bán TSCD | - | 9.101.137 |
| Nộp phạt, Ủng hộ quỹ Phườn | 787.868.656 | 170.000.000 |
| Chi phí khác | | |
| Cộng | 787.868.656 | 442.657.277 |

8. Lãi trên cổ phiếu**8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà MACHINCO, Số 444 Hoàng Hoa Thám, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 4 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | 31/12/2017 | Lũy kế 2016 |
|---|----------------|-----------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 55.419.373.563 | (3.684.992.127) |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 55.419.373.563 | (3.684.992.127) |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 1.523 | (104) |

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2018

Q. Kế toán trưởng


Nguyễn Hoài Giang

Q. Tổng Giám Đốc

